TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM (PV OIL)
CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03 /XDHN-BKS

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2012

BÁO CÁO
Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2011 và kế hoạch 2012

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội;

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty năm 2011 và kế hoạch hoạt động năm 2012 như sau:

PHẦN 1. BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2011

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2011

- Giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, giám sát việc chấp hành các qui định của Pháp luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quy trình quy chế của Công ty;
- Giám sát thực hiện quy chế phối hợp HĐQT và Ban giám đốc;
- Giám sát việc thực hiện tuân thủ các quy trình quy chế của Công ty;
- Giám sát các hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản các dự án: Xây dựng cơ sở điều hành Thái Thịnh, Kho trung chuyển Kỳ Sơn-Hòa Bình, đầu tư nhận chuyển nhượng các cửa hàng xăng dầu, mua sắm thiết bị theo kế hoạch;
- Giám sát, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác tài chính kế toán của Công ty.
- Kiểm tra hoạt động của các CHXD, tình hình quản lý vốn và tài sản của công ty tại các CHXD;
- Xem xét các báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo tài chính năm của công ty.

II. Kết quả hoạt động kiểm soát năm 2011

1. Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

- Chủ tịch HĐQT tham gia các cuộc họp của Ban điều hành, nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh và đóng góp ý kiến đối với các hoạt động của Công ty. Chủ tịch HĐQT thực hiện giám sát các hoạt động điều hành của Ban Giám đốc, đặc biệt là công tác đầu tư xây dựng cơ bản và phát triển hệ thống CHXD.
- Ban Giám đốc thực hiện tuân thủ các qui định của pháp luật Nhà nước, quy chế bán hàng, quy chế quản lý nguồn hàng của Tổng công ty, tuân thủ Điều lệ công ty, các quy chế quy định nội bộ, tuân thủ nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong hoạt động điều hành công ty.
- HĐQT và Ban Giám đốc thực hiện công tác quản lý điều hành đúng thẩm quyền, tuân thủ quy chế làm việc.

- Công tác phối hợp HĐQT-Ban Giám đốc thực hiện tuân thủ quy chế phối hợp của Công ty. HĐQT và Ban Giám đốc phối hợp xây dựng và ban hành quy chế phân cấp đầu tư phù hợp điều kiện thực tế.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011

2.1. Các chỉ tiêu kinh doanh

Đơn vị tính: m3/tấn

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
Sản lượng (m3/tấn)	**370.882**	**381.474**	**102,9%**
- Xăng A92	126.555	127.767	101%
- E5	2.512	2.291	91,2%
- Dầu DO 0,05%	113.658	124.106	109,2%
- Dầu DO 0,25%	111.010	110.163	99,2%
- Dầu FO	17.147	17.147	100%

Trong đó:

- Sản lượng thực hiện theo chủng loại sản phẩm:

Đơn vị tính: m3/tấn

Tên hàng	Quí I	Quí II	Quí III	Quí IV
- Xăng A92	34.438	31.020	34.404	27.905
- Dầu DO 0,05%	34.097	28.611	30.833	30.565
- Dầu DO 0,25%	45.958	25.302	20.887	18.016
- Dầu FO	5.156	2.698	1.111	8.182
- Xăng E5	191	228	895	977
Tổng cộng	**119.840**	**87.859**	**88.130**	**85.645**

- Sản lượng thực hiện theo cơ cấu khách hàng:

Đơn vị tính:m3/tấn

Kênh phân phối	Quí I	Quí II	Quí III	Quí IV
- Tổng đại lý	86.188	60.723	61.723	60.067
- Đại lý	9.450	6.450	6.450	6.450
- Khách hàng công nghiệp	18.701	14.701	14.701	13.872
- Bán lẻ qua CHXD	5.501	5.985	5.256	5.256
- Tái xuất				
Tổng cộng	**119.840**	**87.859**	**88.130**	**85.645**

2.2. Các chỉ tiêu tài chính

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
Doanh thu	6.225	6.225	100%
Lợi nhuận trước thuế	27,5	27,5	100%
Lợi nhuận sau thuế	20,6	20,6	100%

Các chỉ tiêu tài chính cụ thể theo từng quý:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Quí I	Quí II	Quí III	Quí IV
- Doanh thu	1.645	1.709	1.565	1.505
- Giá vốn	1.609	1.659	1.561	1.491
- Lãi gộp	36,0	49,9	2,8	13,9
- Doanh thu hđ tài chính	1,1	1,4	1,4	1,3

- Chi phí bán hàng	9,6	15,0	14,3	22,8
- Chi phí quản lý DN	3,7	4,8	4,4	6,3
- Lợi nhuận trước thuế	23,8	31,4	(14,5)	(13,9)

- Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng.

- Chi phí bán hàng tăng do:

+ Chi phí vận chuyển bán hàng cho khách hàng công nghiệp tăng cao (quí I: 980 triệu, quí II: 4,856 tỷ, quí III: 5,260 tỷ, quí IV: 7,161 tỷ)

+ Chi phí khấu hao TSCĐ tăng do tăng tài sản là CHXD hình thành mới;

+ Chi phí xăng xe vận chuyển (quí I: 501 triệu, quí II: 508 triệu, quí III: 788 triệu, quí IV: 1,377 tỷ đồng);

+ Chi phí khác tăng (quí I: 2,540 tỷ, quí II: 2,502 tỷ quí III: 2,794 tỷ, quí IV: 4,368 tỷ đồng) chủ yếu do phân bổ giá trị lợi thế vị trí của các CHXD, bình quân 600-700 triệu đồng/tháng.

3. Tình hình thực hiện đầu tư

(Phụ lục 01 đính kèm)

3.1. Xây dựng cơ bản

- Công trình xây dựng cơ sở điều hành Thái Thịnh chậm do thực hiện đánh giá lại dự án, điều chỉnh quy mô đầu tư và tổng mức đầu tư từ 7 tầng, 70 tỷ xuống 3 tầng, 24,6 tỷ đồng. Hiện công trình đã khởi công xây dựng, kế hoạch hoàn thành cuối tháng 6/2012.

- Công trình kho trung chuyển xăng dầu Kỳ Sơn: Hiệu quả của dự án sau khi rà soát đánh giá lại không cao, điều kiện hạ tầng giao thông hiện có không thuận tiện cho xe vận chuyển trọng tải lớn hoạt động. Dừng thực hiện dự án.

3.2. Đầu tư phát triển hệ thống

- Các CHXD do đơn vị tự thực hiện đầu tư (từ giai đoạn xin thuê, giao đất cho đến khi xây dựng hoàn thành CHXD): Đơn vị chủ động về quy mô, chất lượng thiết bị công trình, tuy nhiên tiến độ thực hiện luôn bị kéo dài và khó kiểm soát do vướng mắc chính là công tác giải phóng mặt bằng, vướng mắc về thủ tục hành chính ở các địa phương, chi phí đi lại và các chi phí khác không nằm trong giá trị công trình là không nhỏ.

- Các CHXD mua lại: Thủ tục chuyển nhượng nhanh (từ 3-6 tháng) nhưng tốn kém chi phí sửa chữa, cải tạo sau khi mua do khi thực hiện đầu tư, các CHXD tư nhân thường chỉ đầu tư quy mô nhỏ, các điều kiện theo quy định kinh doanh xăng dầu thường không đúng quy chuẩn.

- Công ty hoàn thành 100% kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống CHXD. Ban điều hành rất quyết liệt nhưng cũng luôn cẩn trọng và cân nhắc kỹ lưỡng từng cơ hội đầu tư, thực hiện quy trình đầu tư và nhận chuyển nhượng CHXD với tinh thần trách nhiệm cao và sự đồng thuận trong Ban giám đốc, đảm bảo an toàn và hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

4. Công tác tổ chức

- Trong quý II, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011. Đại hội thống nhất thông qua các báo cáo năm 2010: báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát; thông qua phương án phân phối lợi nhuận, thù lao BKS, HĐQT, sửa đổi điều lệ công ty, thay đổi thành viên HĐQT và bầu chủ tịch HĐQT mới là ông Vũ Hoài Lam-người đại diện phần vốn của Tổng công ty Dầu VN thay ông Nguyễn Duyên Cường.

- Công ty đã ban hành được hệ thống các quy chế, quy định quản lý nội bộ về cơ bản đạt yêu cầu của Tổng công ty, đáp ứng được yêu cầu công tác quản trị của Công ty.

- Thực hiện công tác bổ nhiệm cán bộ đúng quy chế, quy định và Điều lệ công ty; Hoàn thành việc thực hiện quy trình bổ nhiệm cán bộ chủ chốt Công ty; Kiện toàn công tác tổ chức bộ máy, thành lập các chi nhánh trực thuộc, bổ sung nhân sự chủ chốt tại các vị trí, đặc biệt là các phòng chức năng và chi nhánh trọng điểm đáp ứng được yêu cầu thực tế sản xuất kinh doanh;

- Rà soát đánh giá và sắp xếp lại lương chức danh toàn công ty, đảm bảo gắn với hiệu quả công việc và tạo ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức hệ thống giám sát việc thực hiện các quy chế, quy trình quy định nội bộ, thực hiện công tác tự kiểm tra nội bộ tại tất cả các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc Công ty;

- Rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định phù hợp thực hiễn sản xuất kinh doanh, phù hợp yêu cầu quản lý và điều hành hiện tại, khắc phục những tồn tại nêu trong báo cáo của Đoàn kiểm tra kiểm soát quí I năm 2011 theo chỉ thị số 1767/CT-DVN ngày 9/5/2011 của Hội đồng thành viên Tổng công ty trình HĐQT xem xét, phê duyệt.

- Trong quý III, Công ty tiến hành xây dựng và kiện toàn mô hình tổ chức phù hợp với mô hình chung của Tổng công ty.

- Công ty đã xây dựng kế hoạch tiết giảm chi phí trong đó chủ yếu là tiết giảm chi phí văn phòng như: chi phí điện, sử dụng ô tô, phương tiện đi lại công tác; các chi phí hội họp, sử dụng hiệu quả chi phí tiền lương… bằng các hình thức: triển khai lắp đặt hệ thống định vị GPS để theo dõi và quản lý đội xe stec và xe văn phòng Công ty tiết kiệm chi phí nhiên liệu; triển khai phương án khoán lương đối với lái xe stec; khoán chi phí văn phòng đối với 10 chi nhánh; sửa đổi, bổ sung và hòan thiện quy chế khoán Cửa hàng xăng dầu; kiện toàn mô hình Cửa hàng xăng dầu cụm trên cùng một địa bàn nhằm nâng cao trách nhiệm quản lý của các Cửa hàng trưởng cụm, kế toán cụm và sử dụng hiệu quả chi phí tiền lương làm đòn bẩy kích thích người lao động yên tâm phấn đấu công tác.

5. Công tác quản lý tài chính

- Về cơ bản công ty kiểm soát tốt việc quản lý sử dụng vốn và tài sản. Các chi nhánh, CHXD tuân thủ quy chế quản lý tiền hàng công nợ của Công ty.

- Công nợ phải thu của các khách hàng là đại lý/tổng đại lý nằm trong hạn mức do Tổng công ty và Công ty qui định. Tuy nhiên, việc thực hiện đối chiếu số dư các tài khoản công nợ phải thu khách hàng và người mua trả tiền trước chưa được đầy đủ: Tại thời điểm hoàn thành báo cáo tài chính, có 137/169 biên bản đối chiếu xác nhận công nợ; 24/169 khách hàng không có biên bản đối chiếu xác nhận công nợ, giá trị 3 tỷ đồng; 8/169 khách hàng chưa tiến hành đối chiếu xác nhận công nợ, giá trị 3,4 tỷ đồng.

6. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

- Ban kiểm soát được tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành nên nắm bắt được kịp thời và đầy đủ mọi thông tin về tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cung cấp đầy đủ các tài liệu, văn bản liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát tiếp cận và nắm bắt được tất cả các hoạt động của Công ty.

III. Kiến nghị

1. Kiến nghị với Hội đồng quản trị và Ban điều hành

1.1. Hoạt động quản lý, điều hành

Công tác phối hợp giữa HĐQT và Ban Giám đốc đã có những chuyển biến tốt, đạt được những hiệu quả tích cực. Để công tác phối hợp quản lý và điều hành được hiệu quả hơn nữa, tạo được sức mạnh tập thể từ Ban lãnh đạo để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các nhiệm vụ nặng nề trong năm 2012, đề nghị HĐQT, Ban Giám đốc tuân thủ tích cực quy chế về Người đại diện phần vốn của Tổng công ty, quy chế làm việc và phối hợp giữa HĐQT-Giám đốc, quy chế phân cấp đầu tư của công ty.

1.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Đề nghị Ban điều hành đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể theo từng kênh bán hàng, từng lĩnh vực hoạt động qua đó xây dựng phương án kinh doanh tập trung vào những mảng hiệu quả nhất. Đồng thời báo cáo những khó khăn vướng mắc và đề xuất giải pháp, kiến nghị với Tổng công ty có chính sách hỗ trợ đảm bảo hài hòa việc thực hiện nhiệm vụ chính trị với hiệu quả kinh doanh của đơn vị.

- Sản lượng dầu FO thấp do Công ty không đủ nguồn đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp. Đề nghị Ban điều hành có kiến nghị với Tổng công ty tạo nguồn FO đảm bảo cung cấp cho khách hàng tránh trường hợp sản lượng của các mặt hàng khác sụt giảm do khách hàng có nhu cầu cả FO và DO nhưng cty không đảm bảo nguồn FO cho khách hàng.

- Tỷ trọng bán lẻ qua hệ thống CHXD chiếm khoảng 5,7% tổng sản lượng tiêu thụ, vượt kế hoạch (3,7%) nhưng vẫn cần có biện pháp nâng cao tỷ trọng bán lẻ vì đây là kênh bán hàng chủ động và ổn định nhất không bị ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố khách quan, cũng là nhiệm vụ trọng tâm của Tổng công ty và Tập đoàn DKVN.

- Bán hàng qua kênh tổng đại lý chiếm bình quân 70%, đại lý chiếm 7,5% tổng sản lượng tiêu thụ. Cần xây dựng chính sách bán hàng hài hòa giữa Tổng đại lý và đại lý cho phù hợp để tăng số lượng đại lý trực tiếp, tăng tỷ trọng bán hàng qua đại lý. Chính sách đối với các đại lý cần đảm bảo có tính ràng buộc, gắn kết chặt chẽ.

1.3. Hoạt động đầu tư

Để nâng cao hiệu quả công tác đầu tư, hoàn thành nhiệm vụ được giao, Ban điều hành cần liên tục cập nhật và tuân thủ các văn bản chính sách, các quy định mới của Nhà nước, Tập đoàn và Tổng công ty về lĩnh vực đầu tư.

- Công tác đầu tư phát triển hệ thống:

+ Phát huy kết quả đạt được trong năm 2011 để thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2012.

+ Song song với việc phát triển mở rộng hệ thống CHXD, cần liên tục thực hiện theo dõi và đánh giá tính hiệu quả đối với các CHXD đã đưa vào hoạt động khai thác, so sánh với báo cáo đánh giá cơ hội đầu tư, tổng kết rút kinh nghiệm để ngày càng nâng cao hiệu quả cả về số và chất lượng công tác đầu tư.

- Đầu tư xây dựng cơ sở điều hành xản xuất kinh doanh tại Thái Thịnh:

Thực hiện đúng kế hoạch tiến độ để đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư, tiết kiệm chi phí thuê văn phòng.

1.4. Công tác tổ chức

- Đề nghị liên tục kiểm tra, rà soát việc thực hiện các quy định, quy trình quy chế của công ty, sửa đổi bổ sung để đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế luôn thay đổi về yêu cầu quản lý và kinh doanh xăng dầu.

- Tổ chức đào tạo để nâng cao trình độ cho CBCNV, đặc biệt là đội ngũ Cửa hàng trưởng và kế toán CHXD.

- Xây dựng kế hoạch sử dụng thiết bị đo bồn tự động để quản lý các CHXD, qua đó quản lý chặt chẽ hơn nữa công tác bán hàng, tiền hàng công nợ.

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất các hoạt động của các CHXD, chấn chỉnh kịp thời các vi phạm nhỏ, xử lý kiên quyết các vi phạm về quản lý hàng hóa gây mất uy tín Công ty và Tổng công ty.

1.5. Công tác quản lý tài chính

- Thường xuyên kiểm tra kiểm soát việc thực hiện quy chế quản lý tiền hàng công nợ tại các đơn vị, CHXD trực thuộc. Đối chiếu xác nhận công nợ theo tháng, quý, năm đúng quy định và có biện pháp thu hồi đầy đủ biên bản.

- Phân tích, đánh giá tuổi nợ làm căn cứ trích lập các khoản dự phòng nợ phải thu quá hạn, nợ phải thu khó đòi.

2. Kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông

- Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo của Ban Giám đốc Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 và kế hoạch năm 2012 trình trước Đại hội.

- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 của Công ty; phương án thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2012

Nội dung	Thời gian	Đơn vị phối hợp
I. Giám sát hoạt động quản lý và điều hành		
- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty	Thường xuyên	HĐQT, Ban GĐ
- Giám sát việc tuân thủ các quy trình quy chế của Công ty, Tổng công ty và các quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc	Thường xuyên	HĐQT, Ban GĐ
- Giám sát việc chấp hành của Ban điều hành đối với các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị	Thường xuyên	HĐQT, Ban GĐ
- Giám sát việc tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện các quyết định, ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị	Thường xuyên	HĐQT, Ban GĐ
II. Giám sát hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản		
1. Dự án đầu tư xây dựng cơ sở điều hành Thái Thịnh:		
- Giám sát công tác thực hiện đầu tư và tiến độ thi công, giám sát việc tuân thủ hợp đồng thi công xây lắp của nhà thầu và hoạt động của đơn vị tư vấn giám sát	tháng 1-6/2012	Phòng KHĐT
2. Đầu tư xây dựng và nhận chuyển nhượng CHXD theo kế hoạch được duyệt		
- Giám sát công tác lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng mới CHXD. Giám sát tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành bàn giao đưa và khai thác, giám sát quyết toán từng công trình.	Theo tiến độ thực tế	Phòng KHĐT

- Giám sát việc tổ chức thẩm định giá, đàm phán giá chuyển nhượng, giám sát thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất khi mua lại các CHXD	Theo tiến độ thực tế	Phòng KHĐT
III. Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh:		
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 đã được HĐQT phê duyệt.	Hàng tuần, hàng tháng	Phòng KDXD, KDTH
- Giám sát việc tuân thủ quy chế bán hàng của Tổng cty, quy chế quản lý hàng hóa tại kho và cửa hàng xăng dầu.	Các tháng cuối quý	Phòng KDXD, KDTH
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế khoán đối với các cửa hàng xăng dầu và đội xe sitec vận chuyển xăng dầu.	Các tháng cuối quý	Phòng KDTH
- Thẩm định báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý trình HĐQT xem xét.	Đầu quý sau quý báo cáo	Phòng KDXD, KDTH
IV. Giám sát công tác tài chính kế toán:		
- Giám sát việc huy động, quản lý và sử dụng vốn và tài sản của Công ty vào các hoạt động đầu tư, XDCB, mua sắm tài sản, sản xuất kinh doanh.	thường xuyên	Phòng TCKT
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ thực hiện quy chế tài chính, quy chế quản lý và sử dụng hóa đơn, quy chế quản lý tiền hàng công nợ của Công ty.	Các tháng cuối quý	Phòng TCKT
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý của Công ty trình HĐQT xem xét	Đầu quý sau quý báo cáo	Phòng TCKT
- Kiểm tra thực tế cơ sở vật chất, tình hình quản lý và sử dụng tài sản, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, việc chấp hành các quy chế quy định nội bộ của Công ty tại các chi nhánh và các cửa hàng xăng dầu trực thuộc.	Các tháng cuối quý	Phòng TCKT
- Xem xét các báo cáo kiểm toán của cơ quan kiểm toán độc lập	sau khi kiểm toán	Cty Kiểm toán

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- HĐTV, BKS TCT (b/c)
- KSNB TCT (b/c)
- HĐQT, Ban GĐ (để p/h t/h)
- Lưu VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

Lê Đức Dân

Phụ lục: 01

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2011

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm	Khởi công	Tổng giá trị đầu tư	Giá trị thực hiện đầu tư năm 2011	Hoàn thành	Ghi chú
I	**Xây dựng cơ bản**			**24,600**	**500**		
1	Cơ sở điều hành Thái Thịnh	194 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội	12/2011	24,600	500		
II	**Đầu tư phát triển hệ thống**			**71,280**	**31,188**		
1	CHXD Nam Khê	Tp.Uông Bí, Quảng Ninh	Q2/2010	4,500	4,500	Q1/2011	Tự thực hiện đầu tư
2	CHXD Bá Xuyên	Tx.Sông Công, Thái Nguyên	Q2/2011	4,400	2,870	10/2011	Tự thực hiện đầu tư
3	CHXD Mỏ Chè	Tx.Sông Công, Thái Nguyên	Q2/2010	6,900	768		Tự thực hiện đầu tư
4	CHXD Cải Đan	Tx.Sông Công, Thái Nguyên	Q2/2010	5,100	466		Tự thực hiện đầu tư
5	CHXD Đông Mỹ	Huyện Thanh Trì, Hà Nội	2010	7,400	1,334		Tự thực hiện đầu tư
6	CHXD Yên Thủy	Huyện Yên Thủy, Hòa Bình	Q3/2011	10,500	1,500		Mua lại
7	CHXD Phúc Hòa	Huyện Tân Yên, Bắc Giang	Q1/2011	4,700	4,750	Q2/2011	Mua lại
8	CHXD Thanh Bình	Huyện Chợ Mới, Bắc Kạn	Q1/2011	6,800	6,800	Q2/2011	Mua lại
9	CHXD Hồng Tiến	Huyện Phổ Yên, Thái Nguyên	Q1/2011	14,500	3,500	Q2/2011	Mua lại CHXD 3,5 tỷ
10	CHXD Tân Sơn	Huyện Mai Châu, Hòa Bình	Q3/2011	3,100	3,100	Q3/2011	Mua lại
	CHXD Hà Tiên		Q4/2011	3,380	1,600		
11	CHXD Toàn Thắng	Huyện Kim Động, Hưng Yên				Q3/2011	Thuê
12	CHXD Hạ Hòa	Huyện Hạ Hòa, Phú Thọ				Q3/2011	Thuê TCT
III	**Mua sắm thiết bị**			**9,203**	**9,203**		
	04 xe sitéc Hyundai sức chứa 22,6m3/01 xe			9,203	9,203	Q3/2011	6/2011, 01 xe hoạt động 9/2011
	Tổng cộng			**105,083**	**40,891**		

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM (PV OIL)
CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04 /BC-XDHN-BKS

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2012

BÁO CÁO
Thẩm định báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội;

Ban kiểm soát xin kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo Thẩm định báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội như sau:

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính và kỳ kế toán:

- Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.
- Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động của Công ty từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011:

- Tổng doanh thu:	6.426.123.518.551đ
- Tổng lợi nhuận sau thuế:	20.491.942.001đ
- Tổng lợi nhuận chưa phân phối (trong đó: Lợi nhuận chưa phân phối năm 2010 là: 945.008.007đ)	21.436.950.701
- Kế hoạch phân phối lợi nhuận:	
+ Chia cổ tức (5% vốn điều lệ)	12.500.000.000
+ Trích quỹ dự phòng tài chính (10%):	2.143.695.070
+ Trích quỹ đầu tư phát triển (8%)	1.743.255.631
+ Trích lập quỹ thưởng Ban điều hành	150.000.000
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (03 tháng lương)	3.900.000.000
+ Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối	1.000.000.000

3. Tình hình tài sản và nguồn vốn năm 2011 (thời điểm 31/12/2011):

Tài sản	Số tiền	Nợ + Vốn chủ SH	Số tiền
A. Tài sản ngắn hạn	**531.644.927.694**	**A. Nợ phải trả**	**461.588.300.893**
1, Tiền mặt	44.163.506	1, Phải trả người bán	431.417.670.291
2, Tiền gửi NH	69.133.902.165	2, Ng mua trả trước	382.036.487
3, Phải thu khách hàng	241.595.518.084	3, Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18.970.297.835
4, Trả trước người bán	7.755.212.110	4, Phải trả NLĐ	5.254.473.625
5, Phải thu khác	4.232.421.624	5, Phải trả khác	4.116.513.037
6, Hàng tồn kho	186.921.868.530	6, Quỹ KT, PL	1.447.309.618
7, Cphí trả trước ngắn hạn	293.047.453		
8, Thuế GTGT khấu trừ	14.558.938.130		
9, Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6.792.323.287		
10, Tài sản ngắn hạn khác	317.532.805		
B. Tài sản dài hạn	**200.883.665.447**	**B. Vốn chủ sở hữu**	**270.940.292.248**
1, TSCĐ hữu hình	47.770.381.918	1, Vốn đtư của CSH	250.000.000.000
- Nguyên giá	54.071.452.844	2, Lãi chưa phân phối	19.637.750.701
- Hao mòn	(6.301.070.926)	3, Quỹ đầu tư PT	976.906.160
2, TSCĐ vô hình	23.973.256.748	4, Quỹ dự phòng TC	325.635.387
- Nguyên giá	24.690.409.418		
- Hao mòn	(717.152.670)		
3, Chi phí XDCB dở dang	1.536.723.855		
3, Đầu tư tài chính DH	7.954.128.000		
4, TSDH khác			
- Chi phí trả trước dài hạn	119.007.534.926		
- Tài sản dài hạn khác	641.640.000		
Tổng cộng tài sản	**732.528.593.141**	**Tổng cộng nguồn vốn**	**732.528.593.141**

4. Công tác quản lý tài chính, sổ sách, chứng từ:

- Số liệu kế toán rõ ràng, minh bạch phù hợp với pháp luật về kế toán.

- Thực hiện tốt các chế độ báo cáo thống kê, kê thai quyết toán thuế.

- Việc nhận bàn giao tài sản hình thành từ vốn góp của Tổng công ty Dầu Việt Nam chưa được hoàn thiện về thủ tục theo qui định;

- Thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ số dư các tài khoản công nợ phải thu khách hàng và người mua trả tiền trước.

5. Kiến nghị:

- Hoàn thiện thủ tục giao nhận tài sản hình thành từ vốn góp của Tổng Công ty Dầu Việt Nam theo đúng quy định.

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý công nợ tiền hàng theo đúng quy chế của Công ty.

- Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, báo cáo tài chính kịp thời, đúng hạn theo quy chế của Công ty.

- Ban kiểm soát đồng ý với các ghi nhận của Công ty kiểm toán Deloitte Việt Nam đối với báo cáo tài chính của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2011 của Công ty.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lê Đức Dân

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ, HĐQT (để b/c);
- Ban TGĐ (để p/hợp);
- Lưu: VT, BKS.LĐD.01b.

Deloitte

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Võ Hoài Lam	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2011)
Ông Nguyễn Duyên Cường	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2011)
Ông Trần Mạnh Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thương Huyền	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Mạnh Hà	Giám đốc
Ông Đào Đại Thắng	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Giám đốc
Ông Trần Việt Hùng	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2011)
Ông Tôn Quốc Bình	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trần Mạnh Hà
Giám đốc

Ngày 04 tháng 4 năm 2012

Deloitte

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +844 6288 3568
Fax: +844 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 1807 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu khí Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu khí Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 20. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

M.S.D.N: 0100112500 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM - Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Hoàng Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0145/KTV

Phan Ngọc Anh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1101/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 04 tháng 4 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	**100**		**531.644.927.694**	**292.905.370.667**
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5	**73.018.650.508**	**111.951.435.458**
1. Tiền	111		69.178.065.671	111.951.435.458
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.840.584.837	-
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**249.742.566.980**	**103.484.526.116**
1. Phải thu khách hàng	131		241.595.518.083	103.409.534.301
2. Trả trước cho người bán	132		7.755.212.110	62.941.000
3. Các khoản phải thu khác	135		391.836.787	12.050.815
III- Hàng tồn kho	**140**	6	**186.921.868.530**	**69.628.859.993**
1. Hàng tồn kho	141		186.921.868.530	69.628.859.993
IV- Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**21.961.841.676**	**7.840.549.100**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		293.047.453	1.080.972.041
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.558.938.131	5.945.177.059
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		6.792.323.287	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		317.532.805	814.400.000
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	**200**		**200.883.665.447**	**161.339.081.073**
I- Tài sản cố định	**220**		**73.280.362.521**	**42.079.939.282**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	47.770.381.918	28.298.345.114
- Nguyên giá	*222*		*54.071.452.844*	*28.660.097.452*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(6.301.070.926)*	*(361.752.338)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	23.973.256.748	13.781.594.168
- Nguyên giá	*228*		*24.690.409.418*	*13.823.005.901*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(717.152.670)*	*(41.411.733)*
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	1.536.723.855	-
II- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	10	**7.954.128.000**	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258		7.954.128.000	-
III- Tài sản dài hạn khác	**260**		**119.649.174.926**	**119.259.141.791**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	119.007.534.926	119.259.141.791
2. Tài sản dài hạn khác	268		641.640.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**732.528.593.141**	**454.244.451.740**

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	**300**		**461.588.300.893**	**287.173.473.397**
I- Nợ ngắn hạn	**310**		**461.588.300.893**	**287.173.473.397**
1. Phải trả người bán	312		431.417.670.291	273.409.608.739
2. Người mua trả tiền trước	313		382.036.487	10.641.107.354
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	18.970.297.835	1.085.451.289
4. Phải trả người lao động	315		5.254.473.625	1.064.231.772
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		4.116.513.037	73.595.615
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.447.309.618	899.478.628
B- NGUỒN VỐN (400 = 410)	**400**		**270.940.292.248**	**167.070.978.343**
I- Vốn chủ sở hữu	**410**	**13**	**270.940.292.248**	**167.070.978.343**
1. Vốn điều lệ	411		250.000.000.000	163.814.624.478
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		976.906.160	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		325.635.387	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.637.750.701	3.256.353.865
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**732.528.593.141**	**454.244.451.740**

M.S.D.N: 0105029292-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Trần Mạnh Hà
Giám đốc

Ngày 04 tháng 4 năm 2012

Phan Lệ Dung
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010
1. Doanh thu bán hàng	**01**		**6.426.123.518.551**	**441.756.877.005**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.307.136.888	193.154.473
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	**10**		**6.424.816.381.663**	**441.563.722.532**
4. Giá vốn hàng bán	11		6.322.062.518.890	434.630.554.593
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	**20**		**102.753.862.773**	**6.933.167.939**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.259.004.580	161.405.579
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		61.905.876.499	2.088.838.371
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.366.599.746	663.929.993
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	**30**		**26.740.391.108**	**4.341.805.154**
11. Thu nhập khác	31		1.358.480.676	893.728.216
12. Chi phí khác	32		600.650.782	893.728.216
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**757.829.894**	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**27.498.221.002**	**4.341.805.154**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	14	7.006.279.001	1.085.451.289
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	**60**		**20.491.942.001**	**3.256.353.865**

M.S.D.N: 0105029292 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Trần Mạnh Hà
Giám đốc

Ngày 04 tháng 4 năm 2012

Phan Lệ Dung
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*	*27.498.221.002*	*4.341.805.154*
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	6.631.387.572	403.164.071
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.255.951.465)	(161.405.579)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*	*28.873.657.109*	*4.583.563.646*
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(146.258.040.864)	(109.429.703.175)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(117.293.008.537)	(69.628.859.993)
- Tăng các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	182.377.985.576	285.164.542.318
- Giảm chi phí trả trước	12	397.891.453	742.034.356
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.884.053.577)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(16.253.411.164)	(814.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*	*(83.038.980.004)*	*110.617.177.152*
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(28.384.057.048)	(50.147.273)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.954.128.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.259.004.580	161.405.579
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*	*(31.079.180.468)*	*111.258.306*
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	75.185.375.522	1.223.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*	*75.185.375.522*	*1.223.000.000*
Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ (50=20+30+40)	**50**	**(38.932.784.950)**	***111.951.435.458***
Tiền đầu năm/kỳ	**60**	**111.951.435.458**	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm/kỳ (70=50+60)	**70**	**73.018.650.508**	**111.951.435.458**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu trong năm không bao gồm số tiền 11.000.000.000 VND là khoản góp vốn điều lệ của các cổ đông bằng giá trị quyền sử dụng đất. Do vậy, các khoản mục giảm chi phí trả trước và tiền chi để mua sắm tài sản cố định đã được điều chỉnh với số tiền tương ứng.

M.S.D.N: 0105022262 C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Trần Mạnh Hà
Giám đốc

Phan Lệ Dung
Kế toán trưởng

Ngày 04 tháng 4 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (gọi tắt là "Công ty') được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01050209292 ngày 01 tháng 12 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần một ngày 22 tháng 9 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh là 250 tỷ VND.

Các chi nhánh của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội - Văn phòng Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Phú Thọ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Nghệ An
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Bắc Kạn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Lào Cai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Hòa Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Bắc Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Thái Nguyên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Hà Giang

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 195 người (31/12/2010: 8 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn nhiên liệu rắn lỏng khí và các sản phẩm liên quan;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, đường thủy, bến cảng, các hệ thống bồn chứa xăng dầu và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống; đập và đê; đường hầm, công trình thể thao ngoài trời;
- Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- Môi giới và xúc tiến thương mại;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải;
- Dịch vụ lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách đường sắt, đường thủy và đường bộ;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Khai thác dầu thô;
- Bán lẻ, bán buôn xăng dầu;
- Dịch vụ xăng dầu bao gồm: dịch vụ cho thuê cảng, kho tiếp nhận xăng dầu, dịch vụ vận tải xăng dầu;
- Kinh doanh xăng dầu: xuất khẩu (xăng dầu, nguyên liệu sản xuất trong nước và xăng dầu, nguyên liệu có nguồn gốc nhập khẩu), nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu; sản xuất, pha chế xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu; sản phẩm cho ngành hóa dầu và cho ngành sản xuất chất phủ đường, cồn trắng, varolin, sáp paraphin, nhớt; bánh dầu, sản phẩm dầu mỏ tinh chế;

Hoạt động chính của Công ty là bán lẻ, bán buôn xăng dầu.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 16.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn dưới 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị và bán hàng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2011 Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	4 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 6

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền bằng sáng chế và phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Bản quyền bằng sáng chế và phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất được thuê để xây dựng cửa hàng xăng dầu được Tổng Công ty Dầu Việt Nam góp vốn vào Công ty. Chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt tại quỹ	44.163.506	519.609.559
Tiền gửi ngân hàng	69.133.902.165	111.431.825.899
Các khoản tương đương tiền	3.840.584.837	-
	73.018.650.508	**111.951.435.458**

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Hàng hóa tại cửa hàng bán lẻ	3.757.515.373	5.896.642.124
Hàng hóa tại cửa hàng chi nhánh	12.437.506.087	-
Hàng hóa tại Tổng kho xăng dầu Đình Vũ	122.666.280.265	42.001.595.208
Hàng hóa tại kho Petro Việt Nam Vinashin	7.636.969.663	175.534.340
Hàng hóa tại kho Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	7.682.029.840	-
Hàng hóa tại kho Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	12.974.206.762	-
Hàng hóa tại kho Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Tĩnh	8.046.547.316	21.555.088.321
Hàng gửi đi bán	11.720.813.224	-
	186.921.868.530	**69.628.859.993**

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	20.363.270.521	1.690.732.710	5.628.005.784	978.088.437	28.660.097.452
Mua sắm mới	9.675.645.497	2.851.548.904	9.097.302.092	300.514.592	21.925.011.085
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.762.334.104	-	-	-	3.762.334.104
Tăng khác	-	419.481.818	-	-	419.481.818
Thanh lý, nhượng bán	(246.763.307)	-	-	-	(246.763.307)
Giảm khác	(419.481.818)	-	-	(29.226.490)	(448.708.308)
Tại ngày 31/12/2011	33.135.004.997	4.961.763.432	14.725.307.876	1.249.376.539	54.071.452.844
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	225.020.249	29.341.144	88.058.837	19.332.108	361.752.338
Khấu hao trong năm	3.109.982.435	656.324.486	1.940.243.278	292.486.660	5.999.036.859
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(55.181.386)	-	-	(4.536.885)	(59.718.271)
Tại ngày 31/12/2011	3.279.821.298	685.665.630	2.028.302.115	307.281.883	6.301.070.926
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	**29.855.183.699**	**4.276.097.802**	**12.697.005.761**	**942.094.656**	**47.770.381.918**
Tại ngày 31/12/2010	**20.138.250.272**	**1.661.391.566**	**5.539.946.947**	**958.756.329**	**28.298.345.114**

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2011	13.009.115.183	-	813.890.718	13.823.005.901
Mua sắm mới	-	90.000.000	466.000.000	556.000.000
Nhận vốn góp	11.000.000.000	-	-	11.000.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(688.596.483)	-	-	(688.596.483)
Tại ngày 31/12/2011	23.320.518.700	90.000.000	1.279.890.718	24.690.409.418
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2011	18.803.657	-	22.608.076	41.411.733
Khấu hao trong năm	359.324.438	9.500.000	353.540.219	722.364.657
Thanh lý, nhượng bán	(46.623.720)	-	-	(46.623.720)
Tại ngày 31/12/2011	331.504.375	9.500.000	376.148.295	717.152.670
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	**22.989.014.325**	**80.500.000**	**903.742.423**	**23.973.256.748**
Tại ngày 31/12/2010	**12.990.311.526**	**-**	**791.282.642**	**13.781.594.168**

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2011 VND	Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Tại ngày đầu năm/kỳ	-	-
Tăng	5.299.057.959	-
Kết chuyển tăng tài sản cố định hữu hình	(3.762.334.104)	-
Tại ngày 31/12	**1.536.723.855**	**-**

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Mua cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC)	7.954.128.000	-
	7.954.128.000	**-**

Theo Quyết định số 01/QĐ-XDHN-HĐQT ngày 22/12/2010, Hội đồng Quản trị Công ty chấp thuận phương án đầu tư cổ phần của Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC). Số lượng cổ phần Công ty mua là 378.768 cổ phần, mệnh giá là 21.000 đồng. Tại ngày 31/12/2011, Công ty đã nộp đủ tiền mua cổ phần với số tiền là 7.954.128.000 VND, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận sử hữu cổ phần phổ thông từ Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2011 VND	Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Tại ngày đầu năm/kỳ	119.259.141.791	-
Tăng trong năm/kỳ	7.371.490.805	119.891.944.010
Phân bổ vào chi phí trong năm/kỳ	(7.623.097.670)	(632.802.219)
Tại ngày 31/12	**119.007.534.926**	**119.259.141.791**

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế Giá trị gia tăng	27.975.458	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.085.451.289
Thuế thu nhập cá nhân	202.840.527	-
Thuế khác	18.739.481.850	-
	18.970.297.835	**1.085.451.289**

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/12/2010	-	-	-	-	-
Nhận vốn góp từ các cổ đông	163.814.624.478	-	-	-	163.814.624.478
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	3.256.353.865	3.256.353.865
Tại ngày 31/12/2010	**163.814.624.478**	**-**	**-**	**3.256.353.865**	**167.070.978.343**
Nhận vốn góp từ các cổ đông	86.185.375.522	-	-	-	86.185.375.522
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	20.491.942.001	20.491.942.001
Trích lập các quỹ	-	976.906.160	325.635.387	(1.302.541.547)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.808.003.618)	(2.808.003.618)
Tại ngày 31/12/2011	**250.000.000.000**	**976.906.160**	**325.635.387**	**19.637.750.701**	**270.940.292.248**

Trong năm, Công ty đã nhận vốn góp từ Tổng Công ty bằng tiền mặt và nhận vốn góp từ các cổ đông khác, trong đó 75.185.375.522 VND bằng tiền mặt và 11.000.000.000 VND là giá trị quyền sử dụng đất.

Trong năm, Công ty đã trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 15/NQ-XDHN-HĐQT ngày 14 tháng 5 năm 2011.

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 01050209292 sửa đổi lần một ngày 22 tháng 9 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 250.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn góp tại ngày 31/12/2011		31/12/2010	
	VND	%	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	165.000.000.000	66,0%	178.366.000.000	71,3%	162.591.624.478	99,3%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	500.000.000	0,2%	-	0,0%	-	0,0%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	5.000.000.000	2,0%	-	0,0%	-	0,0%
Các cổ đông khác	79.500.000.000	31,8%	71.634.000.000	28,7%	1.223.000.000	0,7%
Tổng	**250.000.000.000**	**100%**	**250.000.000.000**	**100%**	**163.814.624.478**	**100%**

14. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2011 VND	Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**27.498.221.002**	**4.341.805.154**
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	526.895.001	-
Thu nhập chịu thuế	**28.025.116.003**	**4.341.805.154**
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**7.006.279.001**	**1.085.451.289**

15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2011 VND	Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.824.499.461	134.899.864
Chi phí nhân công	23.244.359.098	1.273.431.513
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.623.359.189	134.736.912
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.242.205.032	1.061.058.691
Chi phí khác	14.338.053.465	148.641.384
	81.272.476.245	**2.752.768.364**

16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.018.650.508	111.951.435.458
Phải thu khách hàng và phải thu khác	241.987.354.871	103.421.585.116
Đầu tư dài hạn	7.954.128.000	-
Tổng cộng	**322.960.133.379**	**215.373.020.574**
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	435.534.183.328	273.483.204.354
Tổng cộng	**435.534.183.328**	**273.483.204.354**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có rủi ro tỷ giá do không có các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Sau 1 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	435.534.183.328	-	435.534.183.328

31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Sau 1 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	273.483.204.354	-	273.483.204.354

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Sau 1 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.018.650.508	-	73.018.650.508
Phải thu khách hàng và phải thu khác	241.987.354.870	-	241.987.354.870
Đầu tư dài hạn	-	7.954.128.000	7.954.128.000

31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Sau 1 năm VND	Tổng VND
Tiền	111.951.435.458	-	111.951.435.458
Phải thu khách hàng và phải thu khác	103.421.585.116	-	103.421.585.116

17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm/kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2011 VND	Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	-	4.771.897.714
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	285.866.026.080	31.246.368.971
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	170.918.904.628	20.974.438.400
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí VIDAMO tại Miền Bắc	50.506.295.198	5.124.963.805
Viện dầu khí Việt Nam	832.037.249	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	3.131.376.209	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Petro Việt Nam	142.280.296.932	-
Công ty Cổ phần Thương mại - Du lịch - Xăng dầu - Dầu khí Hà Giang	78.778.432.036	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	20.180.910.262	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	29.321.895.360	-
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	98.041.190	-
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	6.451.032.138.809	467.209.727.273
Công ty Xăng dầu Dầu khí Miền Bắc	-	33.567.261.471
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam tại Nghệ An	-	843.881.059
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam tại Bắc Giang	-	1.006.360.048
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam tại Lào Cai	-	1.018.152.192
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam tại Bắc Kạn	-	614.032.543
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí VIDAMO tại Miền Bắc	1.369.004.029	-
Mua tài sản		
Công ty Xăng dầu Dầu khí Miền Bắc	16.934.571.035	-
Nhận góp vốn		
Nhận vốn góp từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam bằng tài sản và giá trị đánh giá lợi thế vị trí địa lý	15.774.375.522	162.591.624.478

17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ/kỳ kế toán:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Xăng dầu Dầu khí Miền Bắc	-	709.049.437
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	-	468.823.237
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	45.075.389.176	27.373.262.299
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	16.871.725.860	13.956.060.470
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí VIDAMO tại Miền Bắc	5.242.324.503	5.615.634.636
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam tại Bắc Giang	-	101.020.737
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam tại Bắc Kạn	-	20.187.677
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam tại Lào Cai	-	79.531.338
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam tại Nghệ An	-	73.311.847
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	2.876.142.654	-
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	427.749.102.885	231.592.200.000
Công ty Xăng dầu Dầu khí Miền Bắc	-	36.757.916.930
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam tại Bắc Giang	-	1.101.300.613
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam tại Bắc Kạn	-	672.700.276
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam tại Lào Cai	-	1.115.297.684
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam tại Nghệ An	-	924.412.476

18. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã ký hợp đồng cam kết mua tài sản gắn liền với đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất với tổng giá trị chưa phát sinh công nợ là 4.176.000.000 VND.

19. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của kỳ báo cáo trước không thể so sánh được với số liệu báo cáo của năm hiện tại do không tương tứng về kỳ kế toán.

M.S.D.N: 0105022292-C
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Trần Mạnh Hà
Giám đốc

Phan Lệ Dung
Kế toán trưởng

Ngày 04 tháng 4 năm 2012